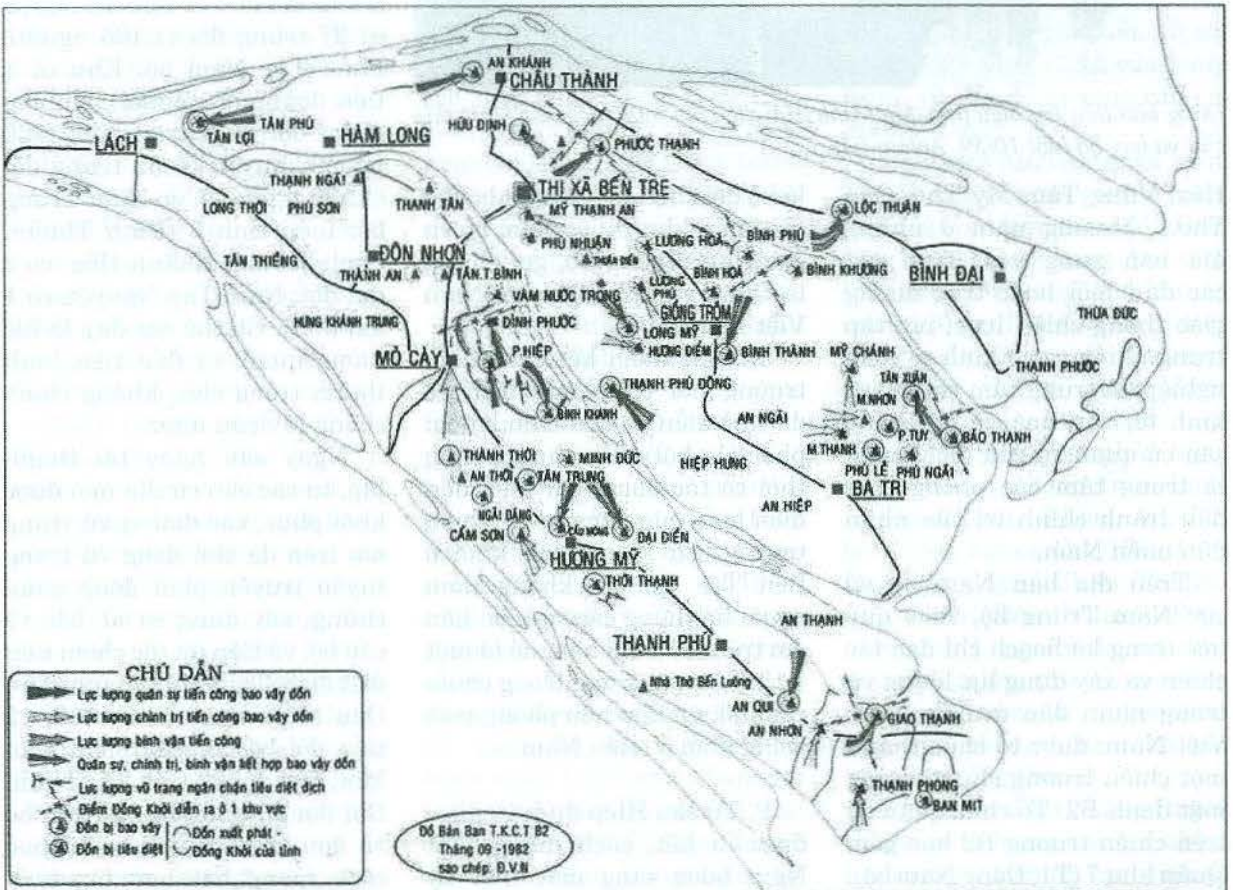


# Đồng khởi Bến Tre nhìn từ chiến trường miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ năm 1960

Hồ Sơn Đài



Diễn biến Đồng khởi đợt 1 Bến Tre (từ ngày 17-1 đến ngày 23-3-1960). Nguồn: Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 9, Quân khu 8 - Ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975), Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1998, tr.288-289

1. Địa bàn Nam bộ và cực Nam Trung bộ thuộc phần đất cuối cùng phía Nam của Tổ quốc, có ba vùng chiến lược hoàn chỉnh: rừng núi, đồng bằng và đô thị. Vùng rừng núi kéo dài từ miền Đông Nam bộ đến các tỉnh cực Nam Trung bộ, nối liền với nam Tây Nguyên và đông bắc Campuchia; là địa bàn thuận lợi cho việc cơ động, trú đóng quân, xây dựng lực

lượng và dự trữ cơ sở vật chất, hình thành căn cứ địa và hậu phương chiến lược tại chỗ; nơi đứng chân của các cơ quan đầu não kháng chiến và các đơn vị chủ lực mạnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Vùng đồng bằng bao gồm rẻo duyên hải mạn thấp các tỉnh miền Đông Nam bộ, ven Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long; là địa bàn bằng phẳng,

sông rạch dọc ngang chằng chịt, dân cư đông đúc, kinh tế trù phú, vùng nông thôn đồng bằng có đặc điểm thuận lợi cho việc phát triển chiến tranh du kích rộng khắp, phát triển phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng và cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến. Vùng đô thị bao gồm Sài Gòn và các thành phố, thị xã lớn khác như Phan Thiết, Biên



*Đồng bào Bến Tre biểu tình đấu tranh trực diện đòi thực hiện dân sinh, dân chủ và hủy bỏ luật 10/59. Ảnh tư liệu*

Hòa, Vũng Tàu, Mỹ Tho, Cần Thơ..., thường nằm ở những địa bàn xung yếu, trấn giữ các đầu mối hoặc trục đường giao thông chiến lược; nơi tập trung nhiều cơ sở kinh tế công nghiệp; là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá và hệ thống căn cứ quân sự của địch; cũng là trung tâm các phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam.

Trên địa bàn Nam bộ và cực Nam Trung bộ, theo quy ước trong kế hoạch chỉ đạo tác chiến và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ở miền Nam Việt Nam, được tổ chức thành một chiến trường chung mang mật danh B2. Tổ chức quân sự trên chiến trường B2 bao gồm Quân khu 7 (T1, Đông Nam bộ), Quân khu 8 (T2, Trung Nam bộ), Quân khu 9 (T3, Tây Nam bộ) và Quân khu Sài Gòn - Gia Định (T4), Quân khu 6 (T6, cực Nam Trung bộ) và Quân khu 10 (T10, 1962-1963, 1966-1971). Cơ quan chỉ huy chiến trường là Ban Quân sự, sau đổi thành Bộ Tư lệnh các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam, gọi tắt là Bộ chỉ huy Miền, từ năm 1973 gọi là Bộ Tư lệnh Miền. Theo đó, lực lượng vũ trang tập trung trên chiến trường B2 gọi

là bộ đội chủ lực Miền và bộ đội các quân khu thuộc Nam bộ và cực Nam Trung bộ, gọi chung là Quân giải phóng miền Nam Việt nam.

Do đặc điểm kết cấu chiến trường nói trên, mỗi biến cố dù nhỏ diễn ra đều chịu sự chi phối của bối cảnh chung, đồng thời có tác động, chi phối đến diễn biến của từng vùng chiến trường. Sự kiện Đồng khởi ở Bến Tre, do đó, không nằm ngoài hệ thống các sự kiện liên đới trên toàn địa bàn, nó là một sự kiện quan trọng trong chuỗi các sự kiện làm nên phong trào Đồng khởi ở miền Nam.

2. Từ sau Hiệp định Genève được kí kết, cách mạng Việt Nam bước sang một thời kỳ mới. Thực hiện chủ trương song song với việc chuẩn bị lực lượng chính trị để đấu tranh chính trị với địch, cần chuẩn bị những điều kiện tối thiểu để khi cần thiết thì xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang tại Hội nghị thành lập Xứ ủy Nam bộ tháng 10-1954<sup>(1)</sup>, các tỉnh Nam bộ bố trí trở lại tổng cộng 25.000 du kích, hàng trăm cán bộ quân sự và với khoản 10.000 khẩu súng các loại (chôn cất bí mật trên 300 điểm)<sup>(2)</sup>. Đó là những

cán bộ quân sự từ kháng chiến chống Pháp được bố trí ở lại, những cơ sở nòng cốt trong lực lượng chính trị và một bộ phận tích cực trong lực lượng giáo phái Cao Đài - Hòa Hảo - Bình Xuyên. Cụ thể: Miền Đông Nam bộ: Khu có 1 tiểu đoàn (997 người); tỉnh có 3 đại đội và 2 trung đội (616 người); huyện có 12 trung đội và 17 tiểu đội (562 người). Miền Trung Nam bộ: Khu có 1 tiểu đoàn (266 người); tỉnh có 4 đại đội và 4 trung đội (1.673 người); huyện có 27 trung đội (1.166 người). Miền Tây Nam bộ: Khu có 1 tiểu đoàn (771 người); tỉnh có 4 đại đội và 3 trung đội (720 người); huyện có 32 trung đội (1.530 người). Cực Nam Trung bộ: Liên tỉnh 3 (Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa) có 2 đại đội, Nam Tây Nguyên có 1 đại đội<sup>(3)</sup>. Có thể nói đây là lực lượng quân sự đầu tiên hình thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngay sau ngày tái thành lập, từ các căn cứ địa mới được khôi phục, các đơn vị vũ trang nói trên đã chủ động vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, bảo vệ cán bộ, và tiến tới tác chiến tiêu diệt địch. Tại Minh Thạnh (Thủ Dầu Một), ngày 10-8-1957, 12 tiểu đội bộ đội tỉnh Thủ Dầu Một, Đại đội 20 tỉnh Tây Ninh, Đại đội 60 miền Đông Nam bộ và đơn vị Bình Xuyên đi theo cách mạng bất ngờ tập kích diệt lực lượng cảnh sát, bảo vệ ở các trạm gác, tháp canh vòng ngoài rồi đột nhập thị trấn đánh các mục tiêu bên trong, làm chủ thị trấn, thu nhiều vũ khí, lương thực, thuốc men. Tại Trại Be (Biên Hòa), ngày 10-9-1957, Đại đội bộ binh 250 miền Đông Nam bộ cùng lực lượng vũ trang Bình Xuyên đi theo cách mạng tập kích 1 tiểu đoàn bộ binh và lực lượng cảnh sát dã chiến làm nhiệm vụ án ngữ cửa ngõ phía nam Chiến khu Đ của quân đội Sài Gòn, diệt 1

đại đội, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội địch, thu và phá hủy 80 xe vận tải cùng nhiều vũ khí, phương tiện quân sự. Tại Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), ngày 11-8-1958, 2 đại đội bộ binh (60 và 70) miền Đông Nam bộ, có sự phối hợp của liên quân Cao Đài Tây Ninh, lực lượng Bình Xuyên đi theo cách mạng và lực lượng vũ trang tỉnh Thủ Dầu Một tập kích chi khu địch do 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn bộ binh 13 cùng 1 đại đội cảnh sát, 1 đại đội bảo an và lực lượng dân vệ quân đội Sài Gòn đóng giữ, diệt gần 200 tên, bắt 30 tên khác, thu 650 súng các loại, 7 xe quân sự cùng nhiều trang bị, lương thực, thực phẩm. Tại Nhà Xanh (Biên Hòa), ngày 7-7-1959, Đội đặc công C250 miền Đông Nam bộ tập kích trụ sở Phái bộ cố vấn quân sự (Military Assistance Advisory Group - MAAG) Mỹ tại nhà máy cửa BIF, diệt và làm bị thương 6 tên, trong đó có 2 tên Mỹ (đó là thiếu tá Bael Buis và trung sĩ Chester Ovmand, hai người đứng đầu danh sách khắc trên bức tường tưởng niệm các quân nhân Mỹ chết trong chiến tranh Việt Nam tại trung tâm thủ đô Washington DC, Mỹ)<sup>(4)</sup>.

Ngày 14-11-1959, Bí thư Xứ ủy Nam bộ Nguyễn Văn Linh nhận được điện thông báo của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nội dung cơ bản của Nghị quyết 15. Nội dung Nghị quyết khẳng định “con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”<sup>(5)</sup>. Ngày 17-11-1959, tại Trảng Chiên (Tây Ninh), Xứ ủy Nam bộ tổ chức hội nghị mở rộng đến các bí thư tỉnh ủy nhằm quán triệt nội dung Nghị quyết 15 Trung ương Đảng và đề ra nhiệm vụ trong tình hình mới. Hội nghị nêu một số công tác cụ thể trước mắt: “Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng mạnh mẽ, sâu rộng hơn để đẩy địch

vào thế bị động và cô lập hơn nữa; Đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền nhằm thiết thực hỗ trợ thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng...”<sup>(6)</sup>. Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy Nam bộ ngày 17-11-1959 đã khai mở một cao trào đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị (gọi là Đồng khởi) trên toàn chiến trường Nam bộ và cực Nam Trung bộ. Trong lúc tại Bến Tre, Đồng khởi bùng phát thoát đầu từ ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh (huyện Mô Cày)<sup>(7)</sup> từ đó lan rộng ra các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, thì ở Nam bộ và cực Nam Trung bộ, hoạt động đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị diễn ra trên tất cả các địa phương dưới nhiều hình thức khác nhau.

Tại Tây Ninh, thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Xứ ủy Nam bộ về việc cần tổ chức một “trận đánh để chính thức phát động đồng khởi có vũ trang hỗ trợ phong trào nổi dậy giành quyền làm chủ ở nông thôn Nam bộ kết hợp vũ trang tuyên truyền”<sup>(8)</sup>. Từ tháng 12-1959, công tác chuẩn bị tổ chức trận tập kích căn cứ Tua Hai (tháp canh số 2, căn cứ của Trung đoàn 32 thuộc Sư đoàn bộ binh 21 quân đội Sài Gòn)<sup>(9)</sup> được triển khai. Lực lượng tham gia trận đánh gồm Đại đội 60, Đại đội 59, Đại đội 70, Đại đội 80 đặc công miền Đông Nam bộ, 1 trung đội địa phương tỉnh Tây Ninh, 1 trung đội bộ đội Bình Xuyên theo cách mạng, cộng chung khoảng 300 cán bộ, chiến sĩ cùng 300 dân công của 2 huyện Châu Thành, Dương Minh Châu. Được sự phối hợp của cơ sở nội tuyến trong đó có người giữ kho súng, 0g45 phút ngày 26-1-1960, quân cách mạng đồng loạt tiến công, diệt và làm bị thương hơn 76 tên, bắt sống hơn 500 (giáo dục, thả tại chỗ), thu hơn 783 súng các loại<sup>(10)</sup> và nhiều trang bị khí tài

quân sự, tiền bạc, lương thực, thuốc men. Chiến thắng Tua Hai tạo nên hiệu ứng hàng loạt đồn bót trên đường 22 từ thị xã Tây Ninh lên biên giới, tỉnh lộ 13, tỉnh lộ 4, các khu vực biên giới ở Cần Đăng, Đồng Pan, Lộc Ninh, Đôn Thuận... bức rút, giải tỏa. Phương thức huy động lực lượng quần chúng có lực lượng vũ trang hỗ trợ kết hợp với nội ứng được triển khai hầu khắp địa bàn tỉnh Tây Ninh. Đến tháng 7-1960, Tây Ninh đã giải phóng hoàn toàn 21 xã, giải phóng cơ bản 19 xã (chiếm 2/3 tổng số xã của toàn tỉnh), và xây dựng xong căn cứ địa Bời Lời<sup>(11)</sup>.

Tại Long An, trùng với trận Tua Hai cả về ngày giờ lẫn cách đánh là trận tiến công đồn Đức Lập (Đức Hòa - Long An) của lực lượng vũ trang cách mạng (gồm 500 người, trong đó có 400 cơ sở quần chúng có vũ trang) và quần chúng nhân dân. Thắng lợi của trận Đức Lập (21-1-1960) là phát pháo hiệu mở đầu cho phong trào đồng loạt khởi nghĩa ở Long An, đặc biệt ở các huyện Đức Hòa, Đức Huệ, Bến Lức, Châu Thành, Cần Giuộc. Đến tháng 9-1960, toàn tỉnh Long An đã nổi dậy giải phóng làm chủ 37 xã trong toàn tỉnh, trong đó huyện Đức Huệ giải phóng hoàn toàn các xã vùng nông thôn<sup>(12)</sup>.

Tại Biên Hòa, hàng trăm thanh niên háng hái gia nhập lực lượng vũ trang cách mạng của tỉnh, hình thành một đại đội tập trung ngay trong đầu năm 1960. Đại đội vũ trang này chia làm hai mũi làm nòng cốt cho phong trào hoạt động của quần chúng trên dọc hai địa bàn bắc và nam sông Đồng Nai. Thực hiện “diệt một rã mười”, vừa đánh vừa khuếch trương thế lực, quần chúng nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa đã triển khai phong trào Đồng khởi rộng khắp trên hầu hết địa bàn của tỉnh, đặc biệt ở các xã Tân Hiệp, Bình Trị,

Hóa An, Tân Thạnh, Tân Định, Thiện Tân, Bình Hòa, Bình Long, Bình Ý, Di An.

Tại Thủ Dầu Một, ngay trong tháng 1-1960, lực lượng vũ trang của tỉnh và quân chúng nhân dân tiến công thắng lợi các đồn An Bình, Nước Vàng; từ đó liên tiếp giải tỏa hệ thống đồn bốt, trạm kiểm lâm trên đường 13, đường 14, đường 8, dọc bờ sông Bé, sông Sài Gòn. Ngày 25-2-1960, được chọn là mốc Đồng khởi chung cho toàn tỉnh. Công nhân cao su vùng lên làm chủ hàng loạt ở các đồn điền Dầu Tiếng, Lộc Ninh, Xa Mát, Đồng Xoài, An Lộc. Nhân dân các huyện Bến Cát, Hớn Quản, Châu Thành nổi dậy diệt đồn giặc, xóa bỏ hội đồng hương chính, thành lập chính quyền tự quản. Qua ba đợt đồng khởi, toàn tỉnh giải phóng, làm chủ được 40 ấp thuộc 25 xã và 10 làng công nhân cao su<sup>(13)</sup>.

Tại Bà Rịa, sau sự kiện phá khu dinh điền Bàu Lâm, đêm 2-3-1960 lực lượng vũ trang tiến công Bình Ba diệt 3 đồn địch, mở màn phong trào Đồng khởi trên địa bàn toàn tỉnh. Một tuần sau, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương các huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, các đồn điền cao su đồng loạt nổi dậy, diệt ác ôn, lấy súng địch. Đến cuối năm 1960, chính quyền cơ sở của địch bị phá vỡ từng mảng, nhân dân làm chủ phần lớn các xã dọc đường số 2 từ Xà Bang đến Long Phước (Châu Thành) và nhiều xã ở Long Đất, Xuyên Mộc. 90% chi bộ Đảng các xã nông thôn và đồn điền cao su được tái lập, tỉnh xây dựng được 2 đại đội bộ đội tập trung, huyện có 1 trung đội, xã có 1 tiểu đội du kích. Các tuyến hành lang nội tỉnh và từ tỉnh về Chiến khu Đ được khai thông<sup>(14)</sup>.

Tại Bình Thuận, ngày 31-7-1960, đơn vị vũ trang tỉnh Bình Thuận, tập kích chi khu

quản lý Hoài Đức và khu dinh điền Bắc Ruộng do 1 đại đội bảo an, 3 trung đội dân vệ và lực lượng cảnh sát, thanh niên cộng hòa của quân đội và chính quyền Sài Gòn đóng giữ. 0 giờ 5 phút, quân cách mạng đồng loạt nổ súng, kết hợp rải truyền đơn, gọi hàng; sau 2 giờ chiến đấu làm chủ trận địa. Do được chuẩn bị trước, nhân dân trong khu nổi dậy phối hợp đánh địch, san bằng đồn bốt, trở về quê cũ. Kết quả, diệt và bắt 300 địch, làm tan rã 180 thanh niên cộng hòa có vũ trang, thu 250 súng các loại, giải phóng 40 tù chính trị và hơn 5.000 đồng bào dân tộc ít người. Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng mở đầu cho phong trào Đồng khởi khắp các địa phương Bình Thuận và các tỉnh cực Nam Trung bộ<sup>(15)</sup>.

Tại Sài Gòn - Gia Định, đầu năm 1960, tỉnh Gia Định và khu Sài Gòn - Chợ Lớn hợp nhất thành một đơn vị vũ trang tập trung (lấy phiên hiệu C13) hoạt động trên địa bàn Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp. Có lực lượng vũ trang hỗ trợ, nhân dân vùng nông thôn Gia Định nổi dậy giành chính quyền làm chủ xóm ấp trên hầu khắp các huyện Củ Chi, Bình Chánh, Nhà Bè, Gò Vấp, Cần Giuộc, Thủ Đức. Đến tháng 3-1960, nhân dân đã làm chủ nhiều xã ở vùng Bắc Củ Chi. Phong trào nổi dậy ở nông thôn ngoại thành và toàn miền tác động mạnh mẽ vào nội đô Sài Gòn. Đồng bào và các giới chức ở nội thành Sài Gòn đẩy mạnh chiến dịch tiến công bằng dư luận, chia mũi nhọn vào chính quyền độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm, bằng nhiều hình thức phong phú, độc đáo. Cuộc "tiến công dư luận" phát triển rộng ra toàn chiến trường miền Nam<sup>(16)</sup>.

3. Đến cuối năm 1960, các cuộc đấu tranh chính trị và tiến công quân sự ở miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ

đã phát triển thành phong trào rộng khắp và liên tục. Tại chiến khu Đ, Khu ủy miền Đông và Bộ chỉ huy lực lượng vũ trang giải phóng miền Đông được thành lập. Tình thế cách mạng ở miền Đông Nam bộ đã chứa đựng những yếu tố của thời điểm lịch sử chuyển sang giai đoạn chiến tranh cách mạng.

Đồng khởi Bến Tre diễn ra vào thời điểm phong trào Đồng khởi đang áp ủ chuẩn bị hoặc đã chớm phát trên toàn chiến trường miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ. Không thể nói Bến Tre là nơi mở đầu Đồng khởi, vì trước đó, từ năm 1959 đã có nhiều địa phương nổi dậy cực bộ có tính chất khởi nghĩa từng phần, như Cà Mau giành quyền làm chủ ở 18 xã (từ tháng 6 đến tháng 9-1959), tỉnh Kiến Phong tiến công địch ở Giồng Thị Đam và Gò Quản Cung (ngày 26-9-1959), tỉnh Cà Mau đánh trận Xẻo Rô (ngày 30-10-1959). Tỉnh chung cả miền Tây Nam bộ trong 6 tháng đầu năm 1959 đã có 60 xã, 4.500 ấp tranh chấp và giải phóng, 70.000 dân được giải phóng, kể cả số dân ở các "làng rừng"<sup>(17)</sup>. Tại khu 5, đã có khởi nghĩa Trà Bồng (từ tháng 7 đến tháng 9-1959). Tại miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ, đã có các cuộc tiến công quân sự diễn ra ở Minh Thạnh (Thủ Dầu Một, ngày 10-8-1957), Trại Bè (Biên Hòa, ngày 10-9-1957), Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một, ngày 11-8-1958), Nhà Xanh (Biên Hòa, ngày 7-7-1959), và Tua Hai (vốn được chuẩn bị từ tháng 12-1959). Đó không phải là các hoạt động tiến công vũ trang đơn thuần mà có sự tham gia nổi dậy của quần chúng ở nhiều mức độ khác nhau.

Tuy nhiên, cần khách quan nhìn nhận rằng, sự kiện Đồng khởi ở Bến Tre đã như luồng gió mạnh thổi bùng lên, kết nối các đốm lửa đang cháy cực bộ rải rác khắp chiến trường miền Nam. Nó chẳng những

đẩy mạnh phong trào Đồng khởi vốn đang khởi phát, mà còn có tác dụng hỗ trợ, cổ vũ cho phong trào Đồng khởi ở các địa phương ở miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ sau đó phát triển một cách sâu sắc, toàn diện, liên tục và đều khắp. Đồng khởi Bến Tre là sự kiện diễn ra với quy mô lớn sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, bằng phương thức tiến công tổng hợp tương đối hoàn chỉnh, tạo ra mô hình tiến công kết hợp ba mũi giáp công cả chính trị, quân sự, binh vận và đặc biệt phát huy có hiệu quả sức mạnh của “Đội quân tóc dài” và thế đấu tranh hợp pháp của quần chúng, góp phần hoàn thiện đường lối của Đảng khi phong trào đấu tranh ở miền Nam chuyển sang thời kỳ chiến tranh cách mạng. Với ý nghĩa ấy, Đồng khởi Bến Tre đánh dấu một bước ngoặt quan trọng đối với công cuộc kháng chiến của nhân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ nói riêng, với tiến trình cách mạng của cả miền Nam nói chung. ■

## CHÚ THÍCH:

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng (2002), *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.43.
2. Ban Tổng kết chiến tranh B2 (1979), *Đề cương tỉ mỉ báo cáo tổng kết kinh nghiệm cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên chiến trường Nam bộ và cực Nam Trung bộ, tập 2*. Lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tr.17.
3. Ban Tổng kết chiến tranh B2 (1979), *Đề cương tỉ mỉ báo cáo tổng kết kinh nghiệm cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên chiến trường Nam bộ và cực Nam Trung Bộ, tập 2*.

Lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tr.54. Về vũ khí, miền Đông Nam Về vũ khí, miền Đông Nam bộ có 1.556 khẩu, miền Trung Nam bộ có 2.338 khẩu, miền Tây Nam bộ có 2.644 khẩu súng các loại.

4. Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (Hồ Sơn Đài chủ biên), (2011), *Lịch sử miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ kháng chiến (1945-1975)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.350, 353, 360.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đảng về chống Mỹ, cứu nước, tập 1 (1954-1965)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.361.

6. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh-Viện Lịch sử Đảng (2002), *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.196.

7. Đêm 16 rạng 17-1-1960 nhân dân xã Định Thủy có các tổ, đội hành động làm lực lượng xung kích, kết hợp với cơ sở nội tuyến, nổi dậy diệt tổng đoàn dân vệ, vây các đồn, bốt, bức địch ra hàng, giành quyền làm chủ. Tiếp đó nhân dân các xã Phước Hiệp (đêm 17-1), Bình Khánh (20-1) cùng nổi dậy diệt lực lượng bảo an và ác ôn, giải tán chính quyền cơ sở của địch. Thắng lợi ở ba xã cổ vũ nhân dân các huyện Mỏ Cày, Giồng Trôm, Châu Thành, Thạnh Phú, Ba Tri, Bình Đại đồng loạt nổi dậy.

8. Theo Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Nam bộ kháng chiến, tập 2 (1954-1975)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.167.

9. Ngoài quân số thường trực, trước ngày nổ ra trận đánh của quân giải phóng, quân đội Sài Gòn còn điều về đây 1 trung đoàn thiếu để củng cố, nâng quân số trong căn cứ lên gần 2 trung đoàn.

10. Số liệu súng theo Phúc trình của Nguyễn Hữu Có - Tư

lệnh Sư đoàn bộ binh 21 quân đội Sài Gòn. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh - Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (1999), *Chiến thắng Tua Hai và phong trào Đồng khởi ở miền Đông Nam bộ* (Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.20): Quân cách mạng thu hơn 1.200 khẩu súng, bộ đội và dân công không tải hết, phải sử dụng 3 xe cơ giới thu của địch để vận chuyển; dọc đường, địch phục kích đoạt lại 2 xe.

11. Đảng bộ quân sự tỉnh Tây Ninh (Hồ Sơn Đài chủ biên), (2016), *Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Tây Ninh (1945-2010)*. Nxb., Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.78.

12. Đảng ủy - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Long An (Hồ Sơn Đài chủ biên), (2010), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Long An (1945-2005)*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.228.

13. Đảng ủy - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương (Hồ Sơn Đài chủ biên), (2010), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bình Dương (1945-2005)*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.167.

14. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Hồ Sơn Đài chủ biên), (1995), *Lịch sử Bà Rịa - Vũng Tàu kháng chiến (1945-1975)*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.175.

15. Tỉnh ủy Bình Thuận (Hồ Sơn Đài chủ biên), (2015), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, tr.161.

16. Ban Tổng kết chiến tranh Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945-1975)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.325-335.

17. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Nam bộ kháng chiến, tập 2 (1954-1975)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.152.